TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày: 15-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thế Lộc.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP KL. Địa chỉ: số 40, 42, 44, đường T, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Vũ N, chức vụ: Tổ trưởng tổ tín dụng Phòng giao dịch T. Địa chỉ: số 171, đường T, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lê Văn M, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Tổ 06, khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 06, khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Vũ N trình bày: Vào ngày 02/3/2011, ông Lê Văn M và bà Lê Thị L có đến Ngân hàng

TMCP KL, Phòng giao dịch T ký kết hợp đồng tín dụng số 5703/HĐTD để vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm cua, lãi suất trong hạn 1,8%/tháng, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo khoản vay trên thì ngày 02/3/2011 ông M và bà L đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5703/HĐTC, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 159, tờ bản đồ ĐH-05, diện tích 103m^2, thửa số 121, tờ bản đồ ĐH-05, diện tích 191m^2, đã được UBND thị xã Hà Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 330701 cấp ngày 25/8/2003 mang tên Lê Bình Đ đã điều chỉnh biến động sang tên Lê Văn M ngày 19/3/2010 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Hà Tiên ngày 03/3/2011. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M, bà L đã đóng gốc 1.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng đến ngày 10/10/2014 thì ngưng đóng, Ngân hàng đã làm việc với ông M, bà L nhiều lần yêu cầu thanh toán gốc và lãi nhưng ông bà vẫn không thanh toán, ông bà đã vi phạm các cam kết trong hợp đồng. Tính đến ngày 15/12/2021 ông M và bà L còn nợ Ngân hàng tiền gốc 29.000.000 đồng và lãi quá hạn 76.067.000 đồng, tổng cộng là 105.067.000 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn M và bà Lê Thị L thanh toán cho Ngân hàng số tiền 105.067.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 16/12/2021 theo hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp ông bà không thanh toán thì yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Văn M trình bày: Ông thừa nhận ngày 02/3/2011, vợ chồng ông có đến Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T ký kết hợp đồng tín dụng số 5703/HĐTD để vay số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay nuôi tôm cua, lãi suất trong hạn 1,8%/tháng, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng. Để đảm bảo khoản vay trên thì ngày 02/3/2011 vợ chồng ông đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5703/HĐTC, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 159, tờ bản đồ ĐH-05, diện tích 103m^2, thửa số 121, tờ bản đồ ĐH-05, diện tích 191m^2, đã được UBND thị xã Hà Tiên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 330701 cấp ngày 25/8/2003. Trong quá trình vay vợ chồng ông đã đóng gốc 1.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng đến ngày 10/10/2014 thì ngưng đóng. Ông thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng tiền gốc 29.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn 76.067.000 đồng, tổng cộng là 105.067.000 đồng do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông xin đến tháng 10/2022 sẽ thanh toán hết nợ trên cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11/6/2021 bị đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn M. Ngày 02/3/2011vợ chồng bà có đến Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,8%/tháng, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và có thế chấp nhà và đất tọa tại khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang. Bà thừa nhận có nợ Ngân hàng số tiền trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đều thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và quá trình tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5703/HĐTD, ngày 02/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T với ông Lê Văn M, bà Lê Thị L là phù hợp quy định pháp luật và được đăng ký biện pháp bảo đảm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông M và bà L cũng thừa nhận nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lê Văn M và bà Lê Thị L thanh toán cho Ngân hàng số tiền số tiền 105.067.000 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi 76.067.000 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 16/12/2021 theo hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ. Ông M và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Trong vụ án này bị đơn ông Lê Văn M và bà Lê Thị L cư trú tại khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về áp dụng pháp luật: Theo hợp đồng tín dụng số 5703/HĐTD, ngày 02/3/2011 thì thời hạn vay là 12 tháng, đến ngày 02/3/2012 ông M và bà L phải thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ngày 26/02/2021 ông M và bà L cam kết sẽ thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng vào ngày 27/3/2021 nhưng ông bà vẫn không thanh toán. Xét thấy, hợp đồng tín dụng vẫn đang được thực hiện đến tháng 3/2021 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Tại biên bản làm việc ngày 26/02/2021 giữa Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T với ông M, bà L cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông M và bà L thừa nhận nợ nên căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự, vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[5] Xét hợp đồng tín dụng số 5703/HĐTD, ngày 02/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T với ông Lê Văn M, bà Lê Thị L là hợp pháp và phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, giải ngân cho ông M và bà L số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự nhưng sau khi nhận được tiền thì ông M và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, ông M thừa nhận còn nợ Ngân hàng tiền gốc 29.000.000 đồng và lãi quá hạn 76.067.000 đồng, tổng cộng là 105.067.000 đồng và xin đến tháng 10/2022 sẽ trả dứt nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông M. Từ những căn cứ nêu trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL.

[6] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5703/HĐTC ngày 02/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP KL, Phòng giao dịch T với ông Lê Văn M, bà Lê Thị L đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Hà Tiên vào ngày 02/3/2011 là phù hợp với quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự. Trường hợp bị đơn không trả được các khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp.

[7] Về án phí: Buộc ông Lê Văn M và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 298, Điều 317, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lê Văn M và bà Lê Thị L thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL số tiền 105.067.000 đồng (trong đó nợ gốc 29.000.000 đồng và nợ lãi 76.067.000 đồng).

Trong trường hợp ông Lê Văn M và bà Lê Thị L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP KL thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn M và bà Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông M và bà L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn M và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.253.350 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.437.450 đồng theo biên lai thu số 0009376 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục THADS thành phố Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**